

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03673

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC (LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Máclênin (200106-09)

CBGD Nguyễn Hồng Hải (665)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
1	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH			✓	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	10223162	CHU THỊ CHUNG			✓	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CƯỜNG			✓	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG			✓	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	10223170	VÕ ĐÌNH ÁNH DƯƠNG			Năm	5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	10223171	PHẠM NHƯỘC GẮM			✓	6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	10223172	ĐÌNH SỸ GIANG			✓	7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI			✓	8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN			✓	9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	10223177	LÊ THỊ HOA			✓	10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	10223178	BÀO HÒA			✓	11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	10223179	NGUYỄN HỮU HOÀNG			Ba	12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	10223187	MAI THỊ THANH NGÀ			✓	13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	10223189	LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG			✓	14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	10223192	TRỊNH KHÁNH TÂN			Năm	15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI THANH			Ba	16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
17	10223194	HOÀNG VĂN THÀNH			✓	17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18	10223197	TRẦN THỊ THƠ			✓	18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19	10223198	BÙI THỊ MỘNG THÚY			✓	19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
20	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU TIỀN			Bốn	20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	10223207	NGUYỄN THỊ VÂN			✓	21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
						32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Số bài: 05

Số tờ: 05

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Nguyễn Ngọc Thuận

Ths. Ng V. Tr

Ths. Lê Chí Minh Đức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03677

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC (LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Anh văn 1** (213601-29)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (T38)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH		<i>HL</i>	3	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH				2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223162	CHU THỊ CHUNG				3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CƯỜNG				4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG				5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM		<i>HL</i>	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223171	PHẠM NHƯỘC GẮM				7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223172	ĐINH SỸ GIANG				8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI				9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223174	NGUYỄN THỊ HẠNH		<i>HL</i>	3	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN				11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223177	LÊ THỊ HOA				12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223178	BẢO HÒA				13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG		<i>HL</i>	5	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223182	PHẠM THỊ KIM HUỆ		<i>HL</i>	4	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG		<i>Cat</i>	5	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223187	MAI THỊ THANH NGÀ				17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223189	LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG				18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223190	LƯU THỊ QUYỀN				19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223191	VŨ THỊ QUỲNH		<i>HL</i>	4	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223194	HOÀNG VĂN THÀNH				21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223197	TRẦN THỊ THƠ				22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223198	BÙI THỊ MỘNG THÚY				23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223202	LÊ THỊ HUYỀN TRANG		<i>HL</i>	5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223207	NGUYỄN THỊ VÂN				25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 08 Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

HL
HL
HL

HL
HL
HL

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng

03674

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC (LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-04)

CBGD Hồ Ngọc Kỳ (808)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH	2	<i>Đào Lê Tuấn Anh</i>	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BICH	1	<i>Dương Thị Ngọc Bích</i>	2	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223162	CHU THỊ CHUNG				3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CƯỜNG				4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223165	HUỲNH THỊ MỸ DUNG	1	<i>Nguyễn Thị Mỹ Dung</i>	5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223166	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG	1	<i>Nguyễn Thị Phương Dung</i>	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG				7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG	2	<i>Nguyễn Thị Xuân Dung</i>	1	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223171	PHẠM NHƯỘC GẮM				9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223172	ĐINH SỸ GIANG				10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI				11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN				12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223177	LÊ THỊ HOA				13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223178	BÀO HÒA				14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	2	<i>Nguyễn Thị Thu Hồng</i>	5	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG	1	<i>Trần Thị Cẩm Hương</i>	5	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223186	HOÀNG THỊ KIM LUYẾN	1	<i>Hoàng Thị Kim Luyện</i>	5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223187	MAI THỊ THANH NGÀ				18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223189	LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG				19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223219	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	2	<i>Nguyễn Thị Phương</i>	5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223190	LƯU THỊ QUYỀN				21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223192	TRỊNH KHÁNH TÂN	2	<i>Trịnh Khánh Tân</i>	5	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223194	HOÀNG VĂN THÀNH				23 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223197	TRẦN THỊ THƠ				24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223198	BÙI THỊ MỘNG THÚY				25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN	1	<i>Nguyễn Thị Kiều Tiên</i>	2	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10223207	NGUYỄN THỊ VÂN				27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10223208	ĐẶNG KIM YẾN	2	<i>Đặng Kim Yến</i>	5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 12 Số tờ: 19 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 12 năm 2011

Nguyễn Văn Ngọc Chuẩn
Trần Lê Thị Minh Trúc

Hồ Ngọc Kỳ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03675

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC (LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Xác suất thống kê (202121-20)

CBGD Hà Thị Thảo Trâm (617)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH			5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BICH			5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH			✓	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223162	CHU THỊ CHUNG			✓	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CƯỜNG			✓	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223164	HUỖNH NGUYỄN DUNG			✓	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG			✓	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG			5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM			5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223171	PHẠM NHƯỘC GẮM			✓	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223172	ĐINH SỸ GIANG			✓	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI			✓	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223173	NGUYỄN THANH HẢI			5	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN			✓	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223177	LÊ THỊ HOA			✓	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223178	BẢO HÒA			✓	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG			7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223187	MAI THỊ THANH NGÀ			✓	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223189	LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG			✓	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223219	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG			5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223190	LƯU THỊ QUYÊN			✓	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223191	VŨ THỊ QUỲNH			5	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223192	TRỊNH KHÁNH TÂN			5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI THANH			5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223194	HOÀNG VĂN THÀNH			✓	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10223197	TRẦN THỊ THO			✓	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10223199	NGUYỄN THỊ BÍCH THUY			✓	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10223198	BÙI THỊ MỘNG THUY			✓	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU TIỀN			5	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10223207	NGUYỄN THỊ VÂN			✓	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10223208	ĐẶNG KIM YẾN			5	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 12 Số tờ: 12 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 14 tháng 11 năm 11